



TRUNG TÂM GIẢI PHÁP HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP ERP  
CENTER OF ENTERPRISE RESOURCE PLANNING

CÔNG TY CỔ PHẦN AUTOID



CÔNG TY CỔ PHẦN AUTOID : 69 Phố Vọng – Q. Hai Bà Trưng – Hà Nội Tel : 04-8582 0330 / 3628 5746  
Fax : 04-3628 5745

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

## PHẦN MỀM IN VÃ VẠCH

### QLABEL IV



[WWW.AUTOID.COM.VN](http://WWW.AUTOID.COM.VN)

HÀ NỘI 08 - 2012

## MỤC LỤC

Chương I: Giới thiệu .....	2
I. Giới thiệu .....	2
II. Cài đặt.....	2
Chương II: Sử dụng phần mềm .....	5
1. Khởi động phần mềm Qlabel IV .....	5
2. Các nút chức năng trên thanh công cụ.....	6
3. Mở, tạo mới và lưu một nhãn .....	7
3.1. Tạo một nhãn mới .....	7
3.2. Thiết lập khổ giấy, chế độ in.....	7
3.3. Lưu nhãn vừa tạo.....	8
3.4. Mở nhãn đã lưu từ trước .....	8
4. Chèn đoạn văn bản.....	9
5. Chèn mã vạch .....	10
6. Chèn ảnh .....	11
7. Kết nối cơ sở dữ liệu.....	12
7.1. Tạo File Cơ sở dữ liệu .....	12
7.2. Kết nối Cơ sở dữ liệu với file.....	12
7.3. Kết nối Cơ sở dữ liệu với các đối tượng trên nhãn .....	14
7.3.1. Kết nối dữ liệu với các đối tượng Text (đối tượng chữ).....	14
7.3.2. Kết nối dữ liệu với các đối tượng Barcode (đối tượng mã vạch) ...	15
7.3.3. Sử dụng công cụ CSDL .....	19
8. In nhãn thiết kế.....	19
8.1. In thủ công .....	19
8.2. In theo Cơ sở dữ liệu .....	20



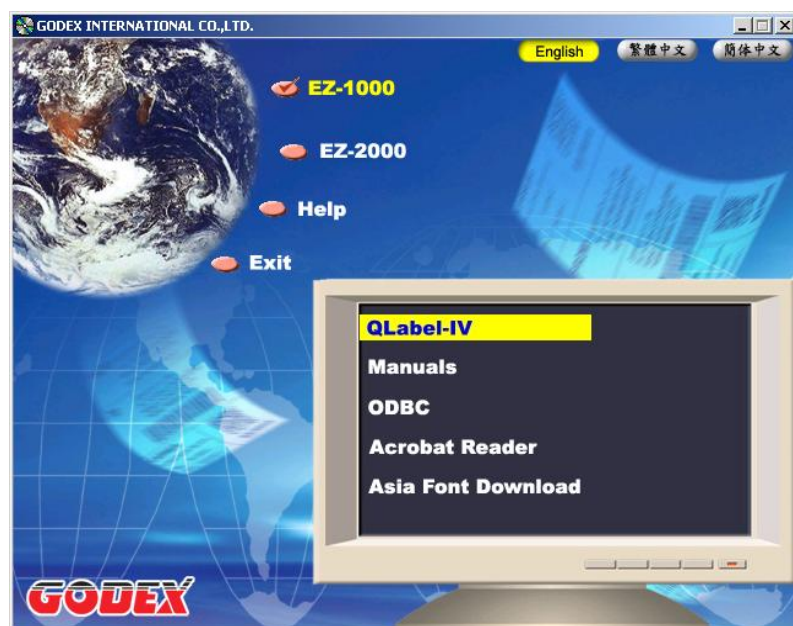
## Chương I: Giới thiệu

### I. Giới thiệu

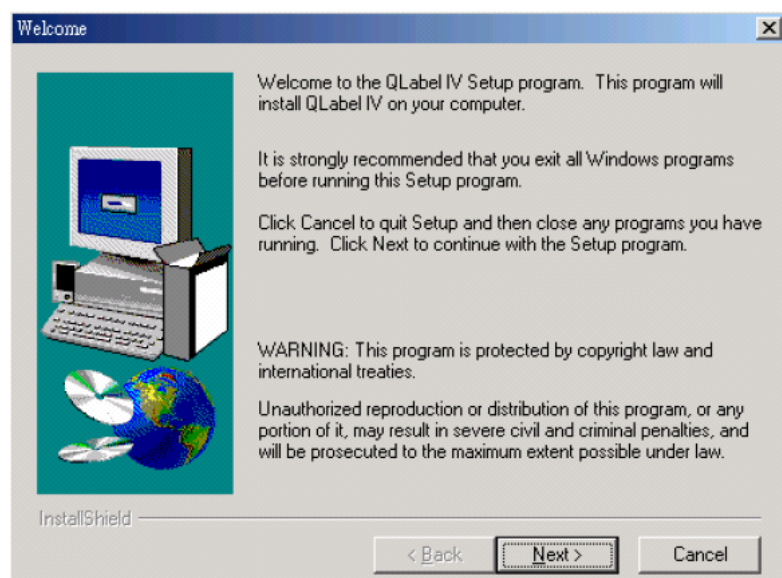
Phần mềm ứng dụng cho Windows 95/98/NT/Me/2000/XP/WIN7. Sử dụng các loại máy in Godex EZ-1000/EZ-2000.

### II. Cài đặt

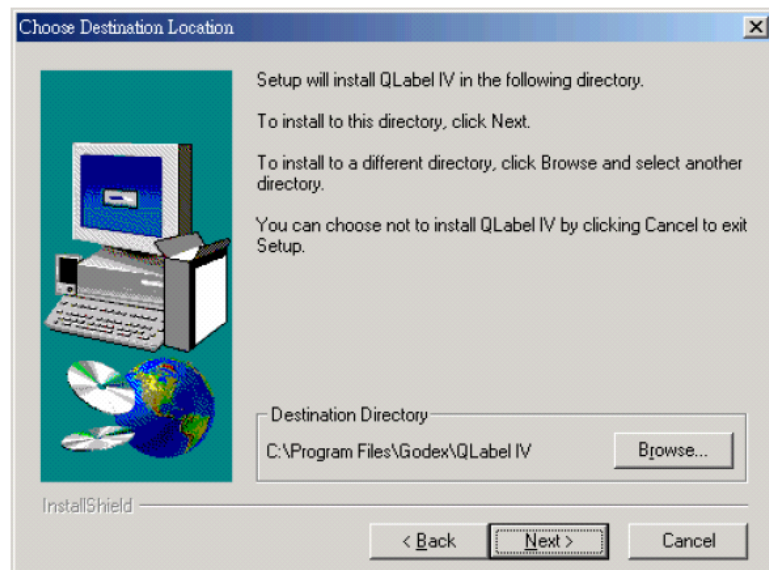
1. Trong hệ điều hành Windows 95/98/NT/2000/ME/XP cho đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa. Chương trình Autorun sẽ tự động chạy. Trong trường hợp không thấy màn hình Autorun thì có thể vào My Computer, chuột phải vào ổ đĩa CD chọn AutoPlay. Chọn loại máy in sử dụng và nhấn chuột vào dòng QLABEL IV để bắt đầu cài đặt.



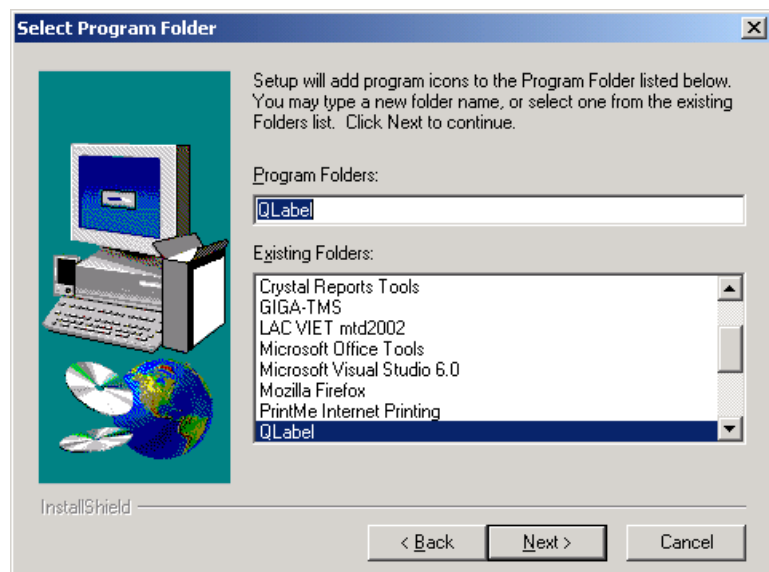
2. Màn hình cài đặt đầu tiên xuất hiện là màn hình Welcome. Nhấn Next.



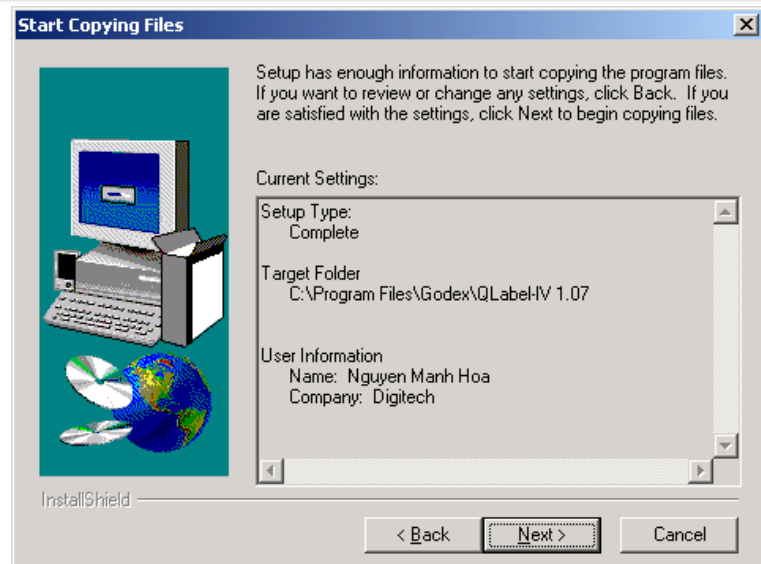
3. Chọn thư mục cài đặt QLabel IV bằng cách nhấn vào nút **Browse...** Có thể tạo một thư mục bất kỳ trên đĩa cứng để cài đặt. Thông thường để đường dẫn mặc định là C:\Program Files\Godex\QLabel. Nhấn **Next** để tiếp tục.



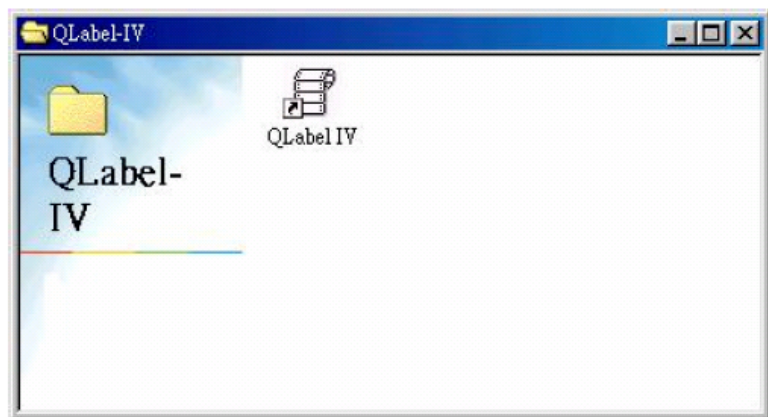
4. Trong bước này tạo thư mục đường dẫn tại menu **Start**, nên để mặc định và nhấn **Next** để tiếp tục.



5. Quá trình copy files bắt đầu nhấn **Next** để tiếp tục.



6. Chương trình cài đặt copy các files cần thiết của chương trình lên ổ cứng của máy tính.

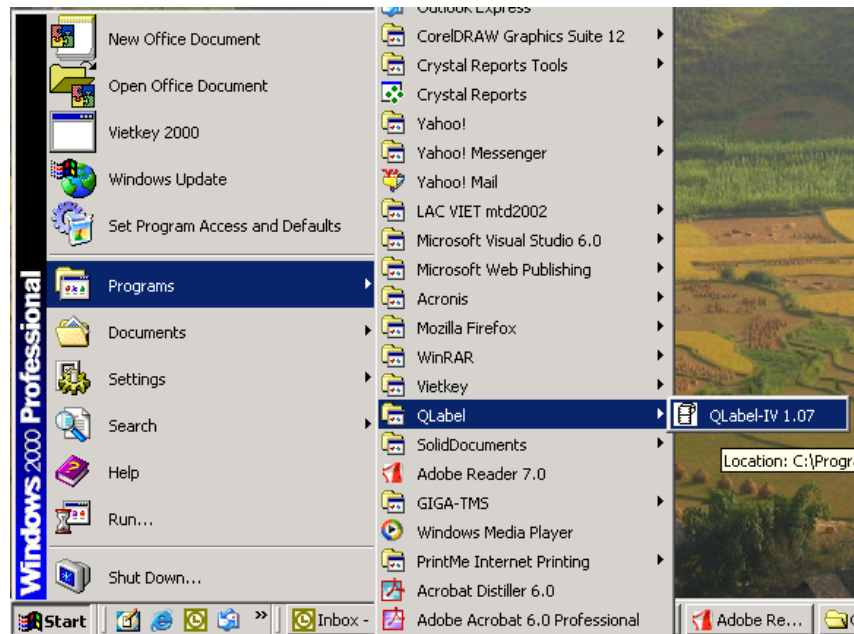


7. Kết thúc quá trình cài đặt phần mềm in mã vạch Qlabel IV

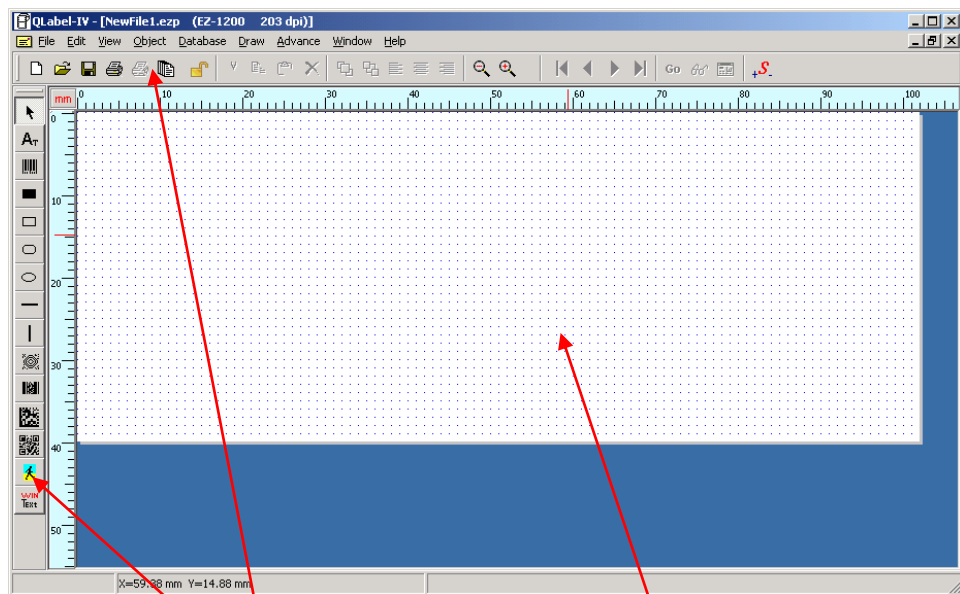
## Chương II: Sử dụng phần mềm

### 1. Khởi động phần mềm Qlabel IV

Nhấn nút **Start** chọn **Programs** sau đó chọn **Qlabel** cuối cùng chọn Qlabel IV



Khi đó màn hình làm việc của Qlabel IV xuất hiện



Thanh công cụ

Vùng làm việc

## 2. Các nút chức năng trên thanh công cụ

	Tạo một nhãn mới		Chuyển đến bản ghi trước
	Mở một nhãn đã tạo từ trước		Chuyển đến bản ghi tiếp theo
	Lưu nhãn đang tạo vào ổ đĩa		Chuyển đến bản ghi bất kỳ
	In nhãn		Truy vấn lại CSDL
	In lại bản in cũ		Xem và sửa Cơ sở dữ liệu
	Khoá		Chọn đối tượng
	Cắt		Tạo đối tượng TEXT với Font của máy in
	Sao chép		Tạo đối tượng mã vạch
	Dán		Tạo hình chữ nhật đặc
	Xoá		Tạo hình chữ nhật
	Chuyển đối tượng lên trên		Tạo hình chữ nhật với các góc tròn
	Chuyển đối tượng xuống dưới		Tạo hình Elip, hình tròn
	Căn trái		Tạo mã vạch MAXICODE
	Căn giữa		Tạo mã vạch PDF417
	Căn phải		Tạo mã vạch MATRIX
	Thu nhỏ		Tạo mã vạch QR
	Phóng to		Chèn ảnh
	Chuyển về bản ghi đầu tiên		Tạo đối tượng Text với font của Window.
	Chuyển về bản ghi cuối cùng		

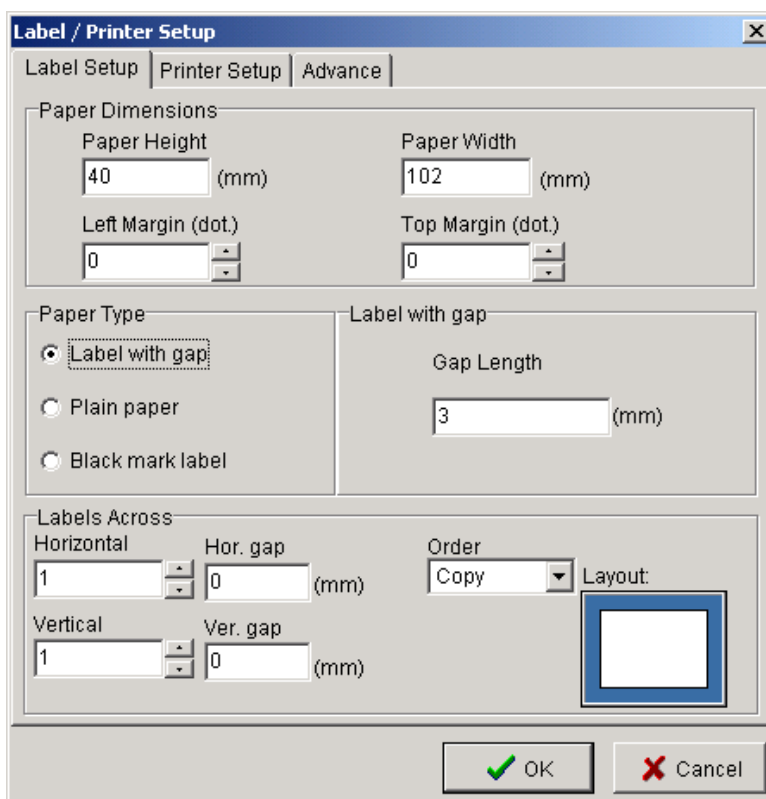
### 3. Mở, tạo mới và lưu một nhãn

#### 3.1. Tạo một nhãn mới

Mở menu File chọn New

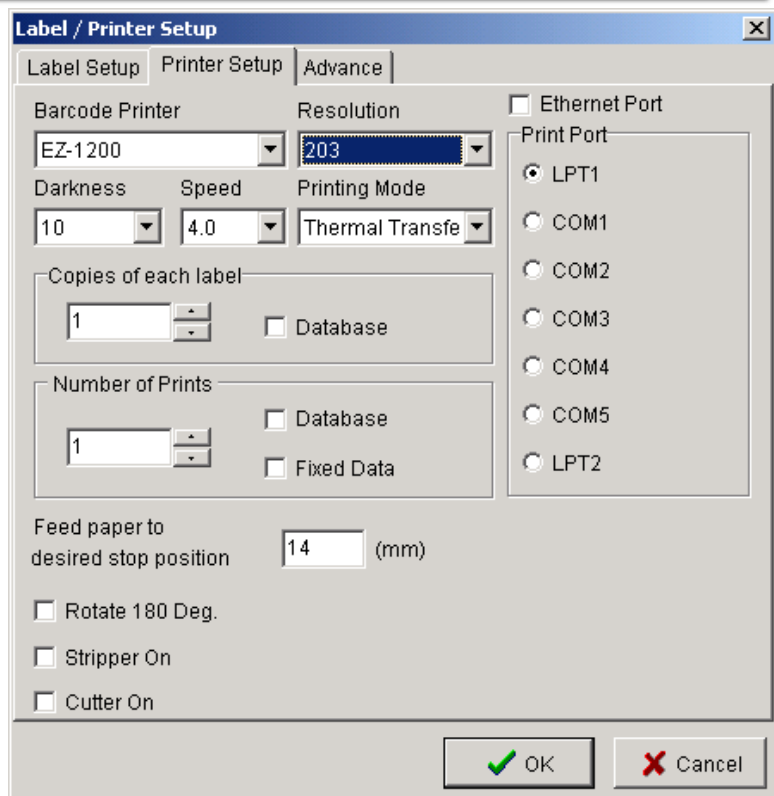
#### 3.2. Thiết lập khổ giấy, chế độ in.

- Mở menu **File** chọn **Label Setup...**
- Trong tab **Label Setup** có các thông số cần chú ý:
  - o Paper Height : Chiều cao của nhãn (chiều cao thực tế)
  - o Paper Width : Chiều rộng của nhãn (chiều rộng thực tế)
  - o Label with Gap : Chế độ in dùng Sensor phân biệt hai nhãn bằng khoảng cách trống giữa hai nhãn (**nên chọn chế độ này**).
  - o Plain Paper : Chế độ in theo chiều dài của nhãn không sử dụng Sensor nhận biết các nhãn.
  - o Black mark label : Chế độ in nhận biết các nhãn bằng các vạch đen phía sau nhãn.
  - o Gap Length : Khoảng cách giữa hai nhãn.



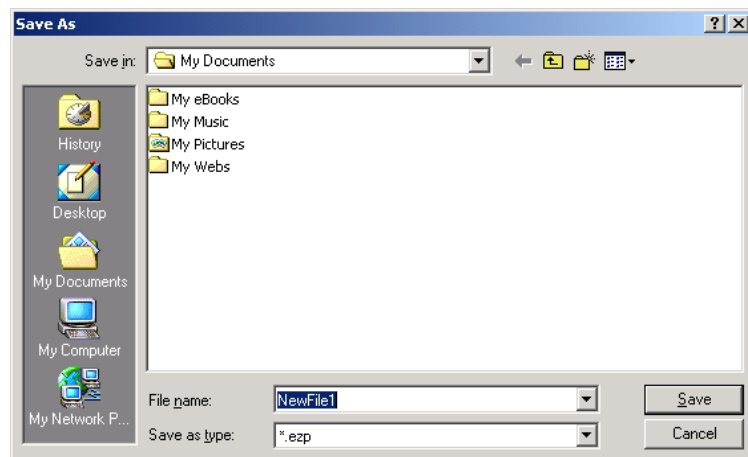
- Trong tab **Printer Setup** có các thông số cần chú ý:
  - o Barcode Printer : Chọn loại máy in
  - o Copies of each label : Số lần sao chép một nhãn
  - o Number of prints : Số lượng nhãn cần in.
  - o Print Port : Chọn cổng giao tiếp của máy in với máy tính.





### 3.3. Lưu nhãn vừa tạo

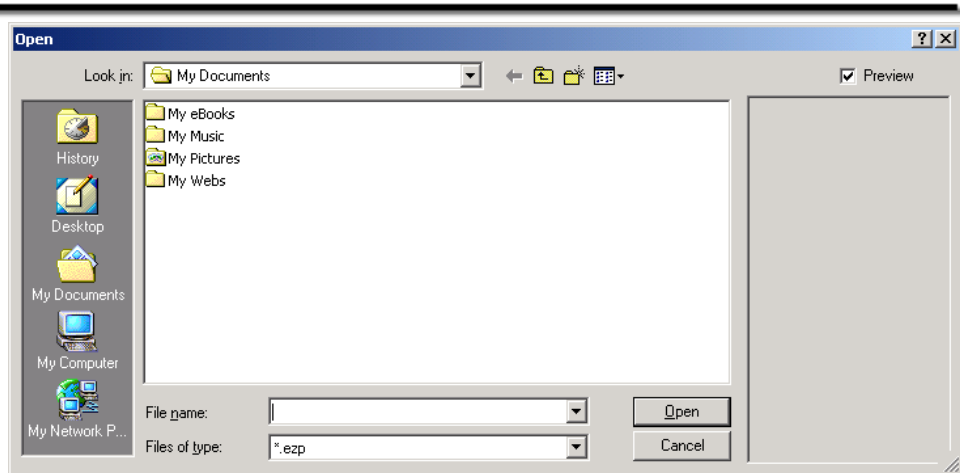
- Mở menu **File** chọn **Save**.



- Chọn đường dẫn để lưu file, nhập tên file vào ô **File name** sau đó nhấn **Save**.


### 3.4. Mở nhãn đã lưu từ trước

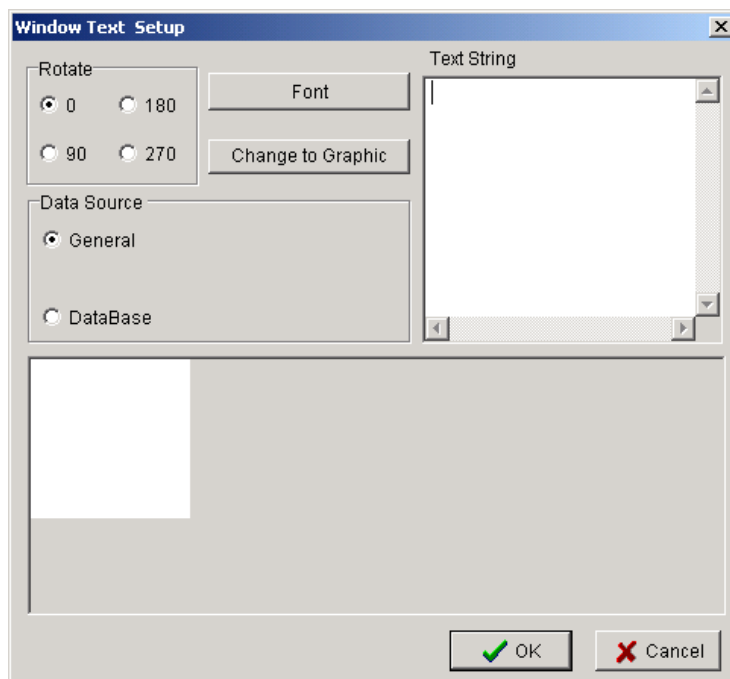
- Mở menu **File** chọn **Open**
- Trong cửa sổ **Open** chọn đường dẫn đến file nhãn đã thiết kế từ trước
- Nhấn **Open** để mở file.



#### 4. Chèn đoạn văn bản

##### Chèn đoạn văn bản với font của window.

- Nhấn nút  trên thanh công cụ, sau đó nhấn chuột vào vùng soạn thảo.




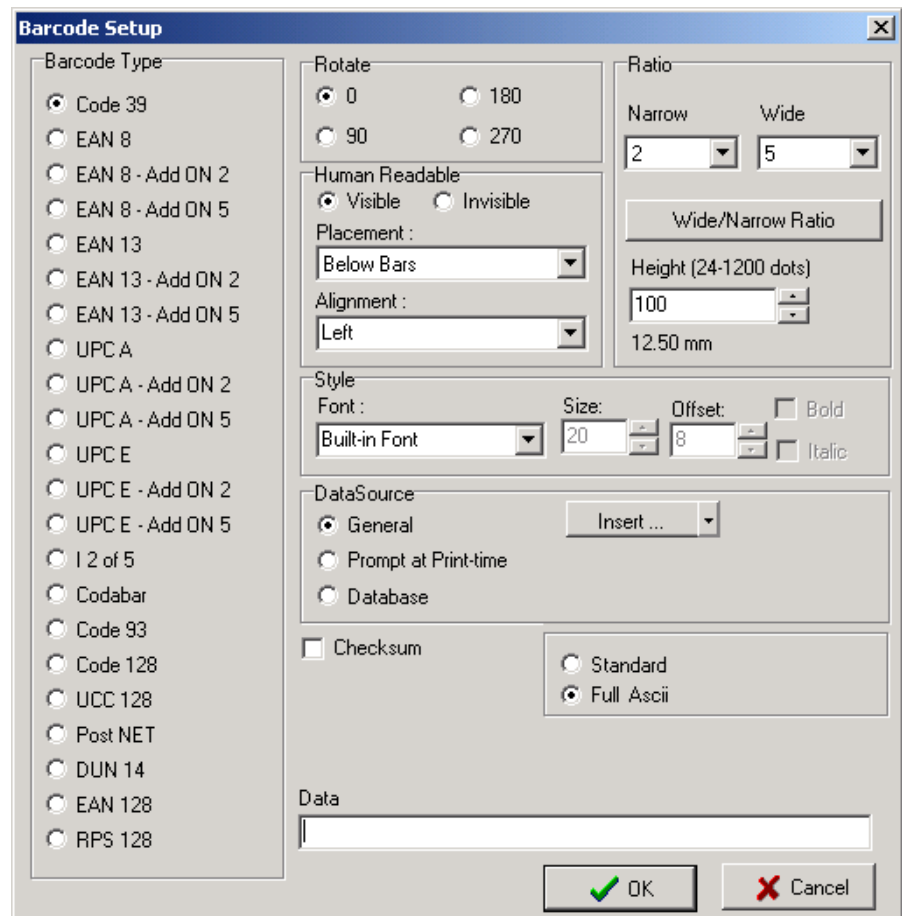
- Nhập nội dung đoạn văn bản vào ô **Text String**
- Nhấn nút **Font** để chọn font chữ.
- Nhấn OK để kết thúc quá trình nhập đoạn văn bản.

##### **Chú ý:**

- Sửa đoạn văn bản: Chuột phải vào đối tượng văn bản chọn **Setup**
- Nhấn và giữ chuột để di chuyển đối tượng.

## 5. Chèn mã vạch

- Nhấn nút  (tạo mã vạch) trên thanh công cụ



The image shows the 'Barcode Setup' dialog box. It has a 'Barcode Type' list on the left with 'Code 39' selected. The 'Rotate' section has radio buttons for 0, 90, 180, and 270 degrees, with 0 selected. The 'Human Readable' section has radio buttons for 'Visible' and 'Invisible', with 'Visible' selected. The 'Placement' dropdown is set to 'Below Bars' and the 'Alignment' dropdown is set to 'Left'. The 'Ratio' section has 'Narrow' and 'Wide' dropdowns set to 2 and 5 respectively, with a 'Wide/Narrow Ratio' button below. The 'Height' is set to 100 (12.50 mm). The 'Style' section has 'Font' set to 'Built-in Font', 'Size' set to 20, 'Offset' set to 8, and checkboxes for 'Bold' and 'Italic'. The 'DataSource' section has radio buttons for 'General', 'Prompt at Print-time', and 'Database', with 'General' selected and an 'Insert ...' button. There is a 'Checksum' checkbox and radio buttons for 'Standard' and 'Full Ascii', with 'Full Ascii' selected. At the bottom, there is a 'Data' text field and 'OK' and 'Cancel' buttons.


- **Các thông số cần chú ý trong cửa sổ Barcode Setup:**

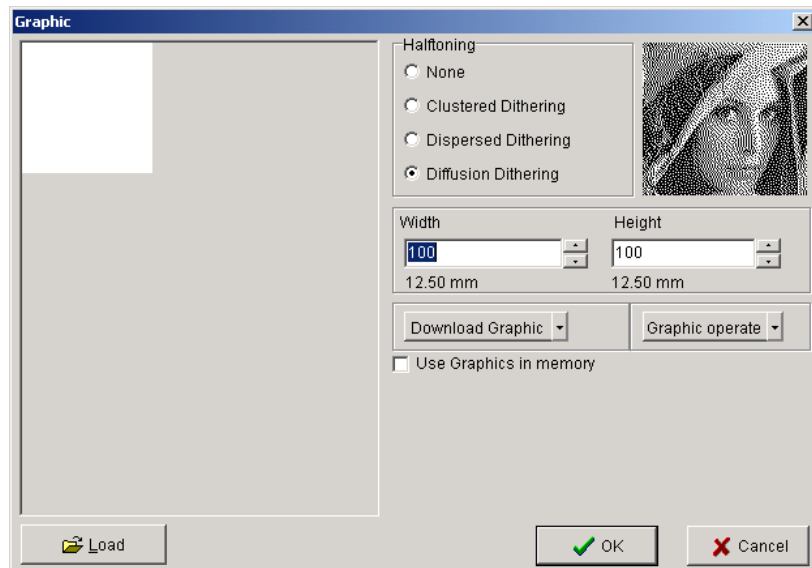
- o Barcode Type: loại mã vạch.
- o Rotate : Xoay đối tượng theo các hướng.
- o Visible/Invisible: ẩn hiện nội dung của mã vạch trên nhãn



- o Placement : Vị trí của nội dung mã vạch đối với mã vạch (trên hoặc dưới)
  - o Alignment: Căn chỉnh nội dung của mã vạch (Phải, trái, giữa)
  - o Font : Kiểu chữ của nội dung mã vạch
  - o Side: Cỡ chữ
  - o Offset : Khoảng cách giữa nội dung mã vạch và mã vạch.
  - o Data: nhập nội dung của mã vạch.
- Nhấn nút **OK** để kết thúc quá trình tạo mã vạch.

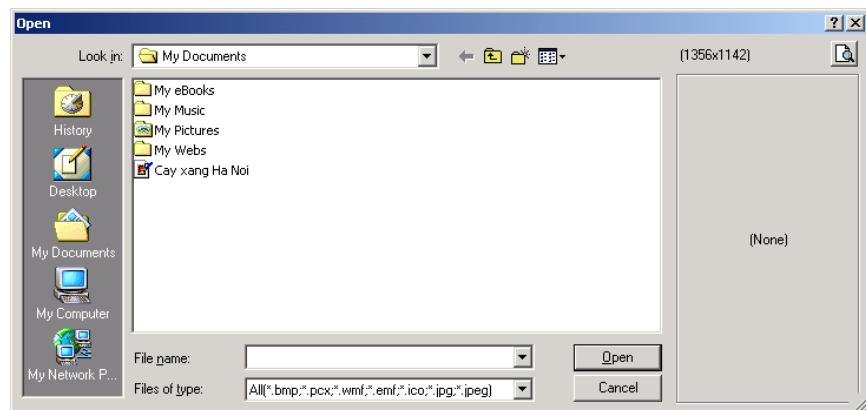
## 6. Chèn ảnh

- Nhấn nút  trên thanh công cụ, sau đó nhấn chuột trái vào vùng soạn thảo.



- **Các thông số cần chú ý trong cửa sổ Graphic:**

- o Load: Chọn đường dẫn đến file ảnh sau đó nhấn **Open** để kết thúc quá trình chọn ảnh.



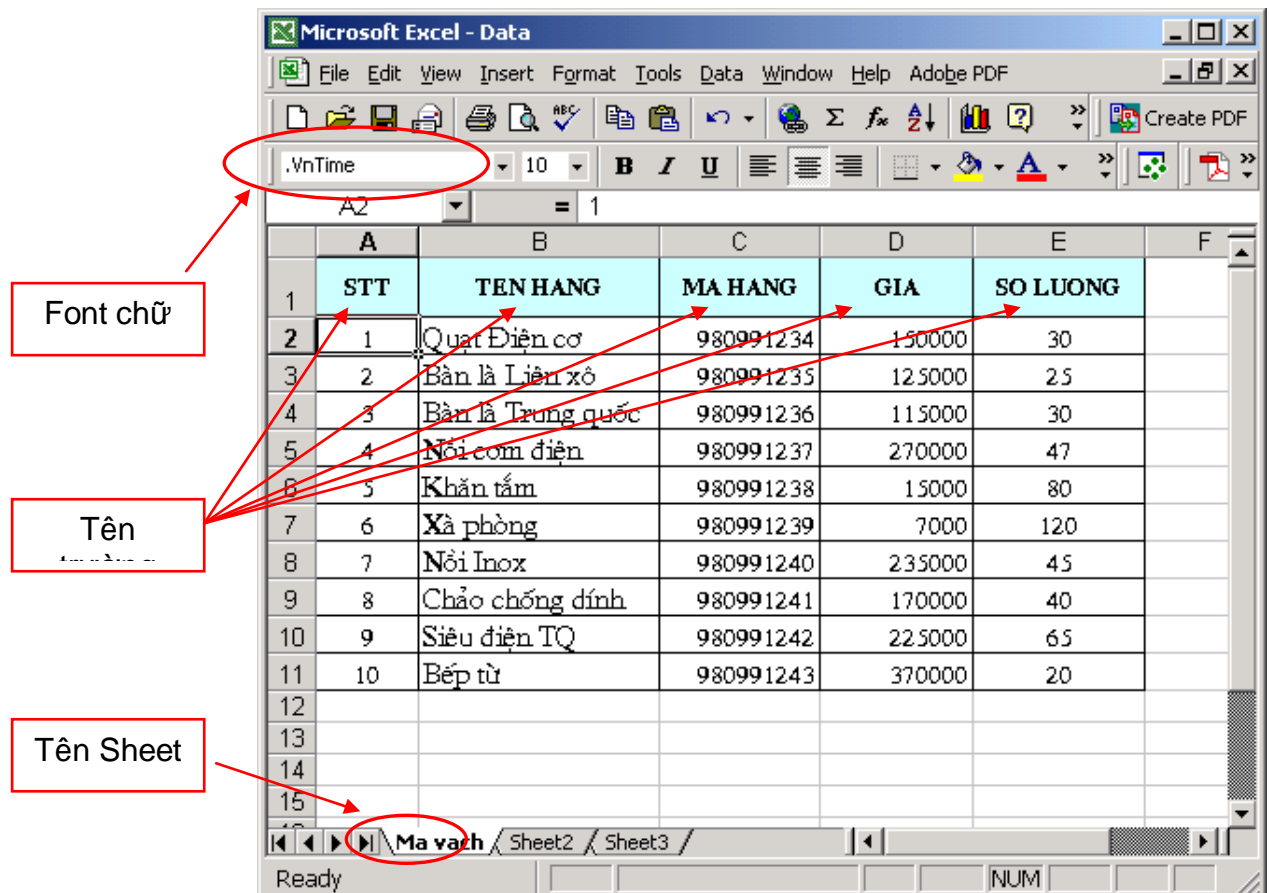
- o Width : Chiều rộng của ảnh
- o Height : Chiều cao của ảnh
- Nhấn **OK** để kết thúc quá trình chèn ảnh.

## 7. Kết nối cơ sở dữ liệu

Phần mềm Qlabel hỗ trợ rất nhiều loại Cơ sở dữ liệu nhưng trong tài liệu này chỉ đề cập cơ sở dữ liệu **Microsoft Excel**.

### 7.1. Tạo File Cơ sở dữ liệu

- Mở chương trình **Microsoft Excel** tạo một file mới.

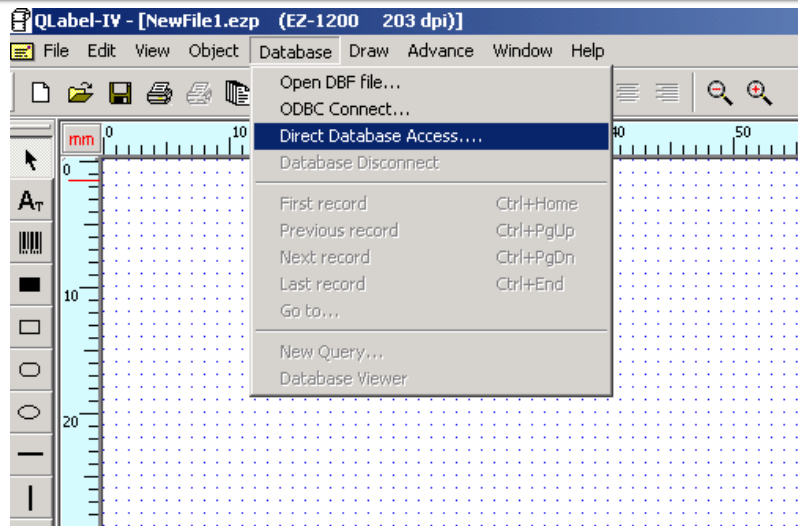


- **Trường dữ liệu**: Mỗi cột trong bảng tương ứng với một trường Cơ sở dữ liệu
- **Font chữ** : nhất thiết phải dùng font **.Vntime** (để khi kết nối với phần mềm chữ mới hiển thị dấu)
- **Tên Sheet** : có thể đặt tên tùy theo ý thích của người sử dụng nhưng nhất thiết phải có hai từ trở lên.
- **Bản ghi**: Mỗi dòng trong file bảng Excel là một bản ghi. Tính từ dòng thứ hai

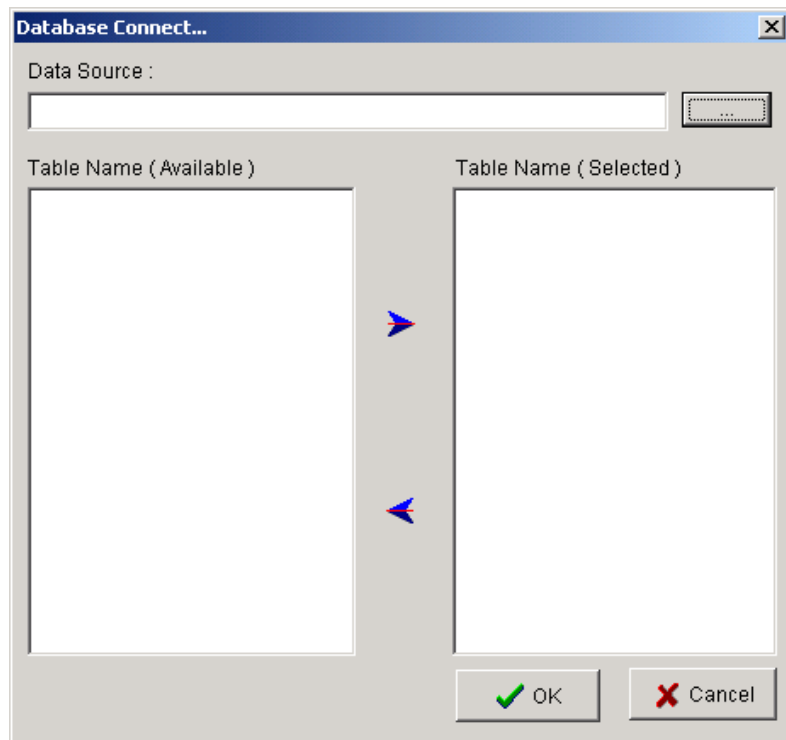
**Chú ý**: Sau khi tạo xong file dữ liệu Excel lên lưu vào cùng thư mục với file thiết kế nhãn.

### 7.2. Kết nối Cơ sở dữ liệu với file

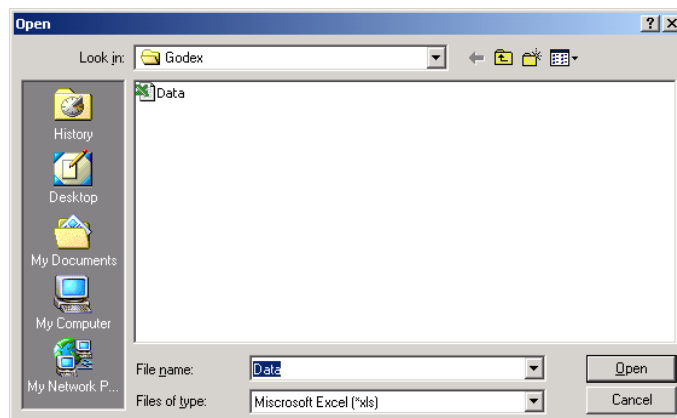
- Vào menu **Database** chọn **Direct Database Access...**



- Khi đó cửa sổ **Database Connect...** hiện ra.

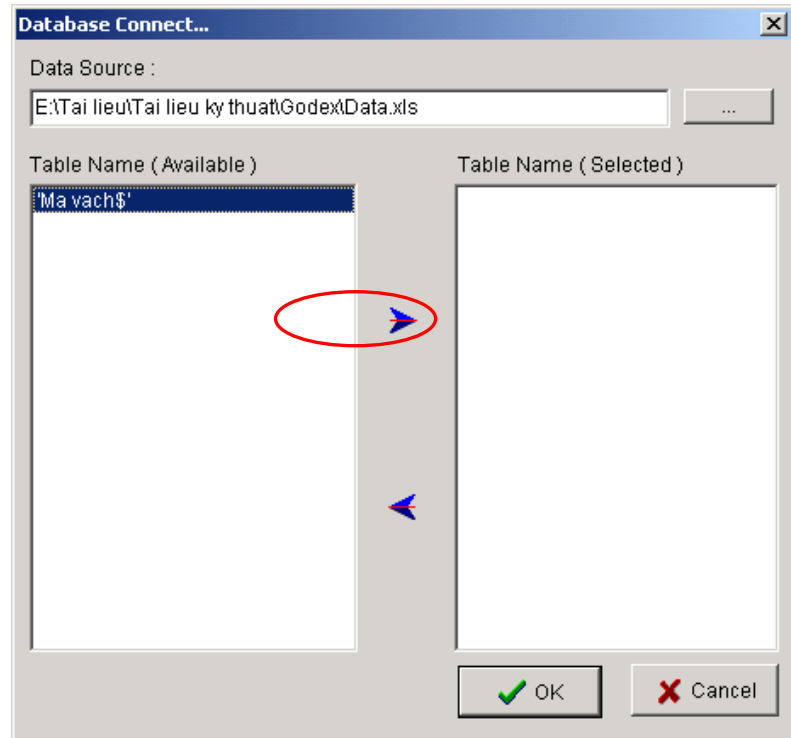


- Nhấn nút ... để chọn file cơ sở dữ liệu. Khi đó bảng **Open** hiện ra



- Trong ô chọn Files of type chọn **Microsoft Excel(\*.xls)**

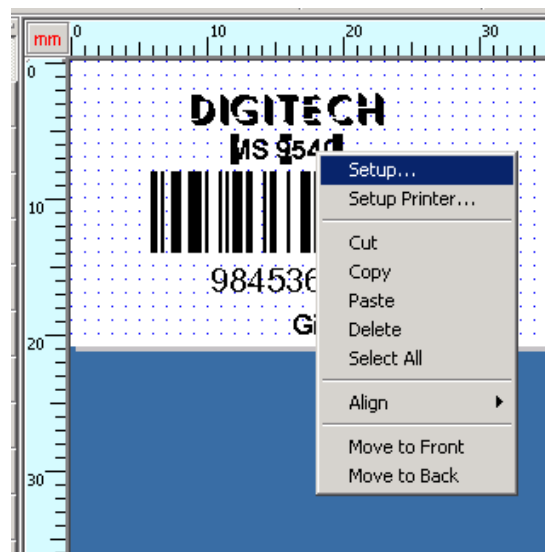
- Trên khung chọn file chọn file cơ sở dữ liệu Excel sau đó nhấn **Open**
- Khi đó file cơ sở dữ liệu đã được chọn. Trong ô **Table Name (Available)** tên sheet xuất hiện trước dấu \$. Nhấn chuột trái vào dòng chữ đó (khi đó dòng chữ đã được bôi đen), sau đó nhấn mũi tên (khoanh tròn) để chuyển sang ô **Table Name (Selected)**. Nhấn **Ok** để kết thúc quá trình.



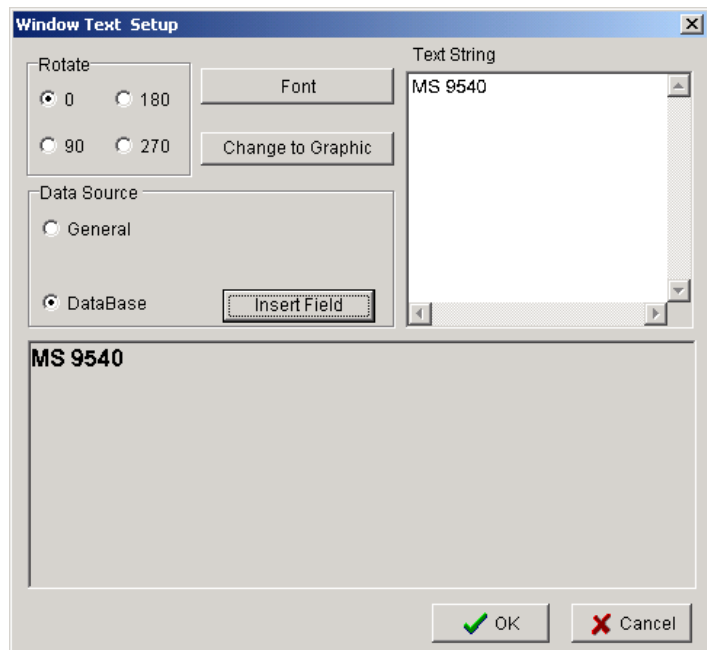
### 7.3. Kết nối Cơ sở dữ liệu với các đối tượng trên nhãn

#### 7.3.1. Kết nối dữ liệu với các đối tượng Text (đối tượng chữ)

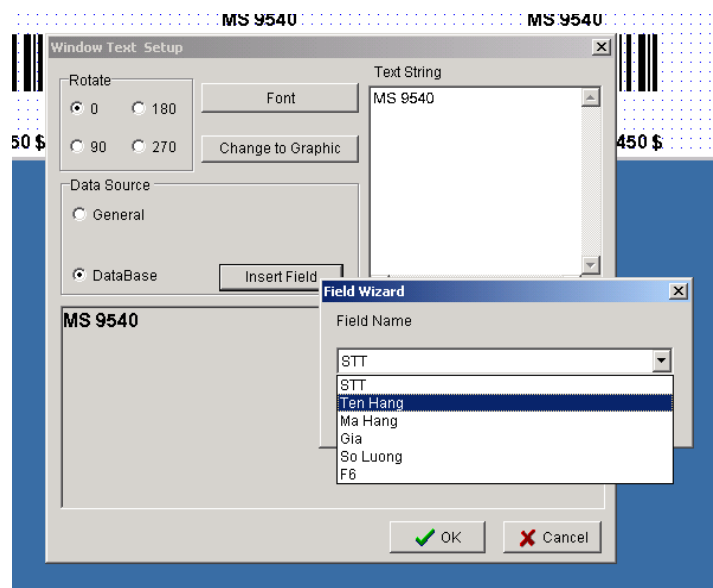
- Nhấn chuột phải vào đối tượng chữ (Text) chọn Setup.



- Trong ô **Data Source** chọn nút **DataBase** khi đó xuất hiện nút **Insert Field**.



- Tại cửa sổ **Field Wizard** nhấn nút mũi tên để chọn trường dữ liệu, nhấn nút **OK** để kết thúc việc chọn trường dữ liệu.

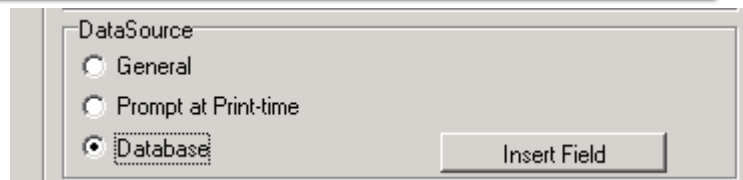


- Nhấn nút **OK** để kết thúc việc kết nối cơ sở dữ liệu với đối tượng chữ (**Window Text**)

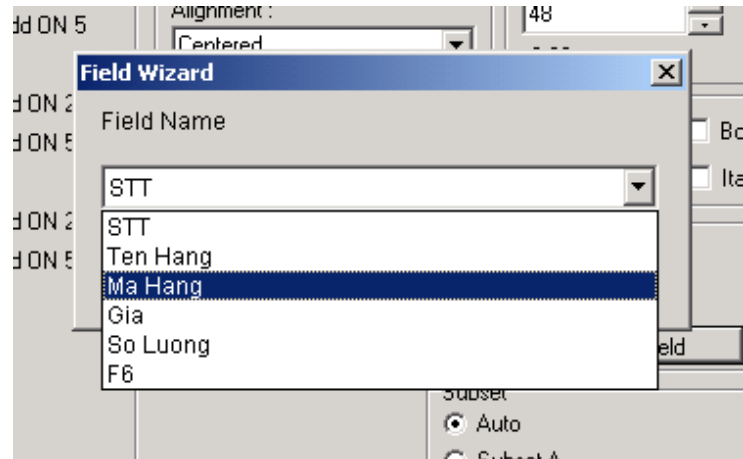
### 7.3.2. Kết nối dữ liệu với các đối tượng Barcode (đối tượng mã vạch)

- Chuột phải vào đối tượng Mã vạch (Barcode ) chọn **Setup** khi đó cửa sổ **Barcode Setup** xuất hiện.



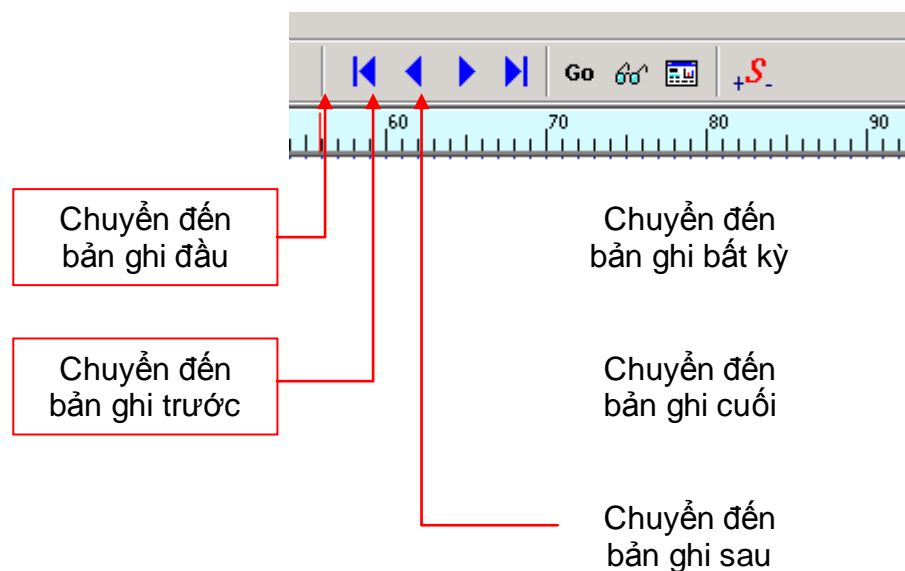


- Trong ô **DataSource** chọn nút **Database** khi đó nút Insert Field hiện ra, nhấn nút này để bắt đầu kết nối CSDL




- Tương tự như trên chọn trường cơ sở dữ liệu và làm các bước tương tự như trên.
- Nhấn nút Ok để kết thúc quá trình.

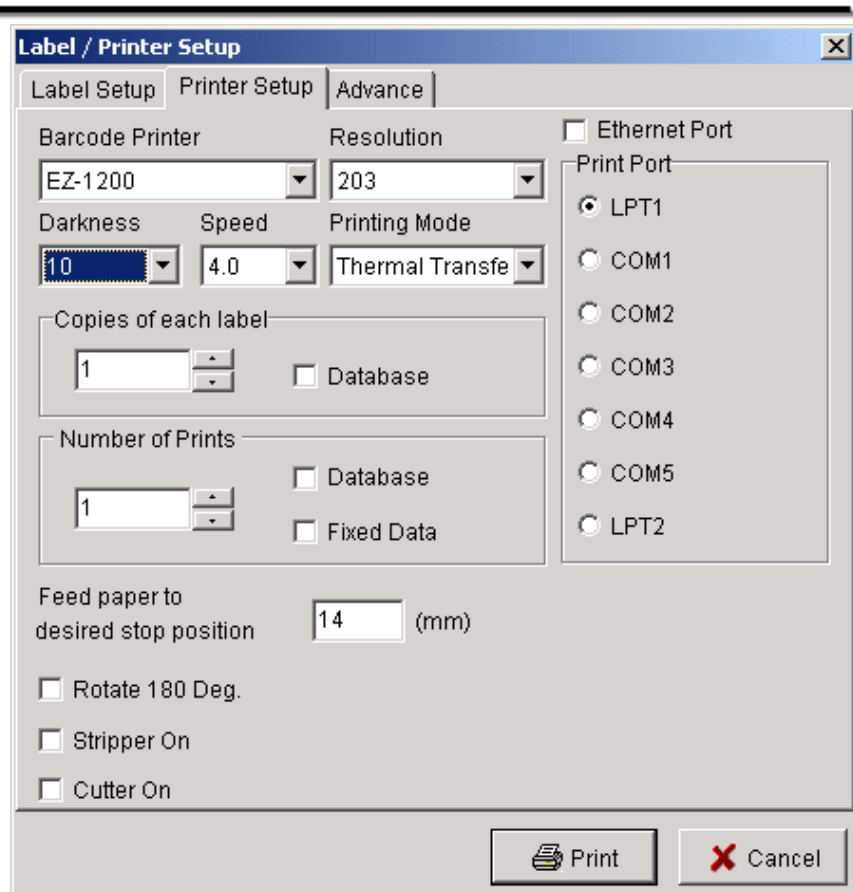
### 7.3.3. Sử dụng công cụ CSDL



## 8. In nhãn thiết kế

### 8.1. In thủ công

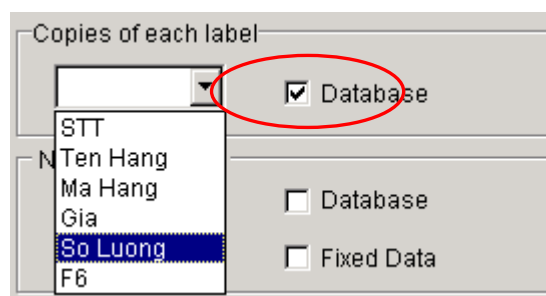
- Nhấn nút máy in trên thanh công cụ .
- Khi đó bảng **Label / Printer Setup** hiện ra



- **Bacode Printer** : Loại máy in đang sử dụng
- **Copies of each label** : Số lượng in một nhãn
- **Number of Print** : Số lượng tổng số nhãn in.
- Nhấn nút **Print** để bắt đầu in.

## 8.2. In theo Cơ sở dữ liệu

- Trong ô **Copies of each label** nhấn chuột vào ô chọn Database



- Chọn trường CSDL quy định số lượng từng nhãn in.

### Chú ý:

- o Số lượng nhãn in trong CSDL quy định trong ô **Number of Print** cần nắm được tổng số lượng nhãn in để điền vào ô trên sao cho phù hợp.

Thông tin chi tiết xem tại:

**[www.autoid.com.vn](http://www.autoid.com.vn)**

Trung tâm hỗ trợ khách hàng  
**CÔNG TY CỔ PHẦN AUTOID**  
69 Phố Vọng – Hai Bà Trưng – Hà Nội  
Tel: 04 8582 0330 / Fax: 3628 5745  
Mail: [info@autoid.vn](mailto:info@autoid.vn)  
Mobile: 091 440 6868

